

Số: 07/TB-CTĐ

Củ Chi, ngày 20 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc trích nộp hội phí 06 tháng đầu năm 2025

Căn cứ Điều lệ Hội và Hướng dẫn số 43/HD-TUHCĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Ban Thường vụ Trung ương Hội về thực hiện Điều lệ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam (Bổ sung, sửa đổi);

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-CTĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc ban hành Quy chế quản lý thu, chi hội phí hội viên Hội Chữ thập đỏ các cấp - Giai đoạn 2023 - 2027;

Căn cứ Thông báo số 36/ TB- CTĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Hội Chữ thập đỏ Thành phố về việc trích nộp hội phí đợt 1 năm 2025,

Trên cơ sở số liệu hội viên 06 tháng (tính từ tháng 11 năm 2024 đến tháng 4 năm 2025) của Hội Chữ thập đỏ xã, thị trấn và Hội Chữ thập đỏ các Trường học trên địa bàn huyện. Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ huyện Củ Chi thông báo về việc trích nộp hội phí 6 tháng đầu năm 2025 1, như sau:

1. Số hội viên trích nộp hội phí: (đính kèm danh sách)

Tổng số hội viên 6 tháng đầu năm (tính từ tháng 11 năm 2024 đến 10 tháng 5 năm 2025).

2. Tỷ lệ trích nộp hội phí: 25% trên tổng số hội viên tại đơn vị

3. Hình thức trích nộp: Nộp trực tiếp về Hội Chữ thập đỏ huyện thông qua đồng chí Trần Phú Xuân – Thủ quỹ, phụ trách công tác Tổ chức hoặc chuyển khoản

Thông tin chuyển khoản:

+ **Tên tài khoản:** Trần Phú Xuân

+ **Số tài khoản:** 6120205677979

+ **Ngân hàng:** AGRIBANK- chi nhánh Củ Chi

+ **Nội dung chuyển khoản:** “Tên đơn vị - trích nộp hội phí đợt 1 năm 2025”.

3. Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày **28/5/2025 (Thứ tư)**

Trên đây là thông báo trích nộp hội phí 06 tháng đầu năm 2025, Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ huyện Củ Chi đề nghị Hội Chữ thập đỏ 21 xã, thị trấn và Hội Chữ thập đỏ khối Trường học cố gắng hoàn thành thực hiện trích nộp hội phí theo quy định.

Nơi nhận:

- TT Huyện Hội;
- Hội CTĐ 21 xã, thị trấn;
- Hội CTĐ khối Trường học;
- Lưu: VP



HỘI CHỮ THẬP ĐỎ TP. HỒ CHÍ MINH
HỘI CHỮ THẬP ĐỎ HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 11 tháng 4 năm 2025

DANH SÁCH TỔNG HỢP HỘI VIÊN

TT	Tên Hội CTĐ	Tổng số	Trong đó hội viên		Tổng số tiền thu hội phí	Trong đó	
		Hội viên	Nam	Nữ		Đề lại đơn vị	Nộp huyện hội
1	Xã Trung Lập Thượng	326	84	242	3,912,000	2,934,000	978,000
2	Xã Trung Lập Hạ	216	114	102	2,592,000	1,944,000	648,000
3	Xã Trung An	136	75	73	1,632,000	1,224,000	408,000
4	Xã Thái Mỹ	167	40	127	2,004,000	1,503,000	501,000
5	Xã Tân Thông Hội	316	110	224	3,792,000	2,844,000	948,000
6	Xã Tân Thạnh Tây	154	80	82	1,848,000	1,386,000	462,000
7	Xã Tân Thạnh Đông	372	221	157	4,464,000	3,348,000	1,116,000
8	Xã Tân Phú Trung	333	169	164	3,996,000	2,997,000	999,000
9	Xã Tân An Hội	301	95	216	3,612,000	2,709,000	903,000
10	Xã Phước Vĩnh An	238	118	120	2,856,000	2,142,000	714,000
11	Xã Phước Thạnh	436	240	196	5,232,000	3,924,000	1,308,000
12	Xã Phước hiệp	252	131	121	3,024,000	2,268,000	756,000
13	Xã Phú Mỹ Hưng	166	70	96	1,992,000	1,494,000	498,000
14	Xã Phú Hòa Đông	272	193	89	3,264,000	2,448,000	816,000
15	Xã Phạm Văn Cội	139	75	64	1,668,000	1,251,000	417,000
16	Xã Nhuận Đức	230	131	99	2,760,000	2,070,000	690,000
17	Xã Hòa Phú	332	167	165	3,984,000	2,988,000	996,000
18	Xã Bình Mỹ	191	92	104	2,292,000	1,719,000	573,000
19	Xã An Phú	299	114	189	3,588,000	2,691,000	897,000

20	Xã An Nhơn Tây	266	99	167	3,192,000	2,394,000	798,000
21	Thị trấn Củ Chi	319	155	174	3,828,000	2,871,000	957,000
22	Trường THPT Quang Trung	79	32	47	948,000	711,000	237,000
23	Trường THCS Trung Lập Thượng	57	20	37	684,000	513,000	171,000
24	Trường THCS Trung Lập Hạ	37	9	28	444,000	333,000	111,000
25	Trường THCS Trung An	4	2	2	48,000	36,000	12,000
26	Trường THCS Thị trấn 2	80	16	64	960,000	720,000	240,000
27	Trường THCS Thị trấn	6	3	3	72,000	54,000	18,000
28	Trường THCS Tân Thông Hội	42	4	38	504,000	378,000	126,000
29	Trường THCS Tân Thạnh Đông	94	34	60	1,128,000	846,000	282,000
30	Trường THCS Tân Tiến	57	13	44	684,000	513,000	171,000
31	Trường THCS Tân Phú Trung	110	35	75	1,320,000	990,000	330,000
32	Trường THCS Tân An Hội	57	14	43	684,000	513,000	171,000
33	Trường THCS Phước Vĩnh An	54	20	34	648,000	486,000	162,000
34	Trường THCS Phước Thạnh	54	19	35	648,000	486,000	162,000
35	Trường THCS Phước Hiệp	35	10	25	420,000	315,000	105,000
36	Trường THCS Phú Mỹ Hưng	30	9	21	360,000	270,000	90,000
37	Trường THCS Phú Hòa Đông	7	2	5	84,000	63,000	21,000
38	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	7	3	4	84,000	63,000	21,000
39	Trường THCS Hòa Phú	9	3	6	108,000	81,000	27,000
40	Trường THCS Bình Hòa	39	13	26	468,000	351,000	117,000
41	Trường THCS An Nhơn Tây	63	26	37	756,000	567,000	189,000
42	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	25	9	16	300,000	225,000	75,000
43	Trường Tiểu học Trung Lập Hạ	36	10	26	432,000	324,000	108,000
44	Trường Tiểu học Trung An	54	11	43	648,000	486,000	162,000
45	Trường Tiểu học Trần Văn Châm	11	1	10	132,000	99,000	33,000
46	Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi 2	6	2	4	72,000	54,000	18,000
47	Trường Tiểu học Thái Mỹ	50	12	38	600,000	450,000	150,000
48	Trường Tiểu học Tân Thông Hội	32	7	25	384,000	288,000	96,000
49	Trường Tiểu học Tân Thạnh Tây	9	4	5	108,000	81,000	27,000
50	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 3	41	11	30	492,000	369,000	123,000
51	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 2	52	14	38	624,000	468,000	156,000

52	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông	7	2	5	84,000	63,000	21,000
53	Trường Tiểu học Tân Thành	10	2	8	120,000	90,000	30,000
54	Trường Tiểu học Tân Tiến	57	13	44	684,000	513,000	171,000
55	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	49	12	37	588,000	441,000	147,000
56	Trường Tiểu học Phước Vĩnh An	27	3	24	324,000	243,000	81,000
57	Trường Tiểu học Phước Thạnh	44	7	37	528,000	396,000	132,000
58	Trường Tiểu học Phước Hiệp	45	10	35	540,000	405,000	135,000
59	Trường Tiểu học Phú Mỹ Hưng	33	12	21	396,000	297,000	99,000
60	Trường Tiểu học Phú Hòa Đông 2	37	7	30	444,000	333,000	111,000
61	Trường Tiểu học Phú Hòa Đông	50	13	37	600,000	450,000	150,000
62	Trường Tiểu học Phan Văn Khải	56	11	45	672,000	504,000	168,000
63	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	6	1	5	72,000	54,000	18,000
64	Trường Tiểu học Nhuận Đức 2	24	6	18	288,000	216,000	72,000
65	Trường Tiểu học Nhuận Đức	12	4	8	144,000	108,000	36,000
66	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch	33	7	26	396,000	297,000	99,000
67	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Rành	35	9	26	420,000	315,000	105,000
68	Trường Tiểu học Lê Văn Thé	47	16	31	564,000	423,000	141,000
69	Trường Tiểu học Lê Thị Pha	29	8	21	348,000	261,000	87,000
70	Trường Tiểu học Hòa Phú	51	11	40	612,000	459,000	153,000
71	Trường Tiểu học Bình Mỹ 2	49	7	42	588,000	441,000	147,000
72	Trường Tiểu học An Phú 2	29	8	21	348,000	261,000	87,000
73	Trường Tiểu học An Phú 1	7	1	6	84,000	63,000	21,000
74	Trường Tiểu học An Nhơn Tây	36	10	26	432,000	324,000	108,000
75	Trường Tiểu học An Nhơn Đông	42	7	35	504,000	378,000	126,000
76	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	8	1	7	96,000	72,000	24,000
77	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	32	3	29	384,000	288,000	96,000
78	Trường Mầm non Trung An 2	34	4	30	408,000	306,000	102,000
79	Trường Mầm non Trung An 1	24	0	24	288,000	216,000	72,000
80	Trường Mầm non Tráit Tim Thơ	14	0	14	168,000	126,000	42,000
81	Trường Mầm non Thị trấn 2	53	3	50	636,000	477,000	159,000
82	Trường Mầm non Thị trấn 1	20	15	5	240,000	180,000	60,000
83	Trường Mầm non Thái Mỹ	31	3	28	372,000	279,000	93,000

84	Trường Mầm non Tân Thông Hội 4	24	1	23	288,000	216,000	72,000
85	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	25	5	20	300,000	225,000	75,000
86	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	48	5	43	576,000	432,000	144,000
87	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	31	2	29	372,000	279,000	93,000
88	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	38	2	36	456,000	342,000	114,000
89	Trường Mầm non Tân Phú Trung 1	47	30	17	564,000	423,000	141,000
90	Trường Mầm non Tân An Hội 1	25	3	22	300,000	225,000	75,000
91	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	28	2	26	336,000	252,000	84,000
92	Trường Mầm non Phước Thạnh	40	4	36	480,000	360,000	120,000
93	Trường Mầm non Phước Hiệp	29	1	28	348,000	261,000	87,000
94	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	9	0	9	108,000	81,000	27,000
95	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	29	2	27	348,000	261,000	87,000
96	Trường Mầm non Nhuận Đức	31	2	29	372,000	279,000	93,000
97	Trường Mầm non Hòa Phú	41	18	23	492,000	369,000	123,000
98	Trường Mầm non An Nhơn Tây	93	60	33	1,116,000	837,000	279,000
99	Trung cấp nghề Củ Chi	52	33	19	624,000	468,000	156,000
	Tổng cộng:	8,319	3,327	5,075	99,828,000	74,871,000	24,957,000

TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thị Kim Duyên